

Bản án số: **36/2019/HNGĐ-PT**

Ngày 07 - 11 - 2019

V/v: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con,
yêu cầu trả tiền công lao động*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê Trang

Các Thẩm phán: Bà Phan Thị Thu Hương

Bà Hoàng Thị Thu Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Thuận – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai,

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông La Minh Dũng- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 35/2019/TLPT-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con, yêu cầu trả tiền công lao động*”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 15/2019/HNGĐ-ST ngày 13/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 57/2019/QĐ-PT ngày 14 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Lý Đông L**, sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ: xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Trần Thị Mộng T**, sinh năm 1966 – Thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai (có mặt).

Địa chỉ: phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

Người phiên dịch cho ông Lý Đông L: Bà **Lý Y Đ**, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: phường 2, quận 11, TP. Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Chị **Nhĩn Nhịt K**, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

3. *Người kháng cáo:*

- Anh **Lý Đông L**, sinh năm 1971 – Nguyên đơn.

- Chị **Nhĩn Nhĩt K**, sinh năm 1978 – Bị đơn.

4. *Viện kiểm sát kháng nghị*: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm:

* *Nguyên đơn anh Lý Đông L trình bày:*

Anh và chị Nhĩn Nhĩt K quen biết nhau từ đầu năm 1999 sau đó tự nguyện, tìm hiểu thương yêu nhau đến tháng 7/1999 (âm lịch) thì tổ chức đám cưới tại gia đình hai bên ở xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai nhưng đến ngày 23/5/2013 anh chị mới đăng ký kết hôn. Đây đều là hôn nhân lần đầu của cả hai người. Sau khi làm đám cưới xong thì anh chị về chung sống với nhau tại nhà ba mẹ anh tại ấp T, xã B cho đến ngày anh chị lên Tòa án giải quyết ly hôn thì chị K về tại xã X sinh sống và hai vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đó đến nay. Ngay từ sau khi kết hôn về chung sống với nhau giữa anh và chị K đã không hợp tính cách với nhau, thường xảy ra cãi vã. Khoảng 02 năm nay thì vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, thường xuyên cãi vã nhau hơn và có xảy ra xô xát, đánh lộn nhau, vợ chồng không còn tình cảm, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể tiếp tục kéo dài nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Nhĩn Nhĩt K.

Quá trình chung sống anh chị có 02 người con chung: Lý Y Đ – sinh ngày 24/01/2001 và Lý Y T – sinh ngày 05/01/2010, khi ly hôn anh yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu Đ và T, không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Đối với yêu cầu khởi kiện của chị K: Khi ly hôn chị yêu cầu anh phải trả tiền công lao động cho chị trong suốt 19 năm kết hôn, tính từ ngày 11/7/1999 (âm lịch) cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án với tổng số tiền là 1.140.000.000 đồng thì anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện này của chị K, lý do vì trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện, trên cơ sở tự nguyện cùng nhau lao động để làm ra của cải nuôi sống gia đình, nuôi dạy con cái, chứ anh không phải thuê chị K về để làm công.

* *Bị đơn chị Nhĩn Nhĩt K trình bày:*

Chị thống nhất với lời trình bày của anh L về quan hệ hôn nhân, việc đăng ký kết hôn, con chung, nợ chung và một phần nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như anh L trình bày. Theo chị từ khi kết hôn chị và anh L vẫn chung sống hạnh phúc cho đến tháng 8/2017 mới xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L

thường xuyên nói chị giấu đồ đạc của anh dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, ngoài ra thì sau khi anh L đi chơi Đà Lạt vào tháng 8/2017 về nhà thì có những biểu hiện khác lạ nên chị nghi ngờ là anh có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác nhưng chị không có chứng cứ chứng minh việc ngoại tình này. Anh chị cũng có xảy ra xô xát, đánh nhau, từ tháng 8/2017 thì anh chị không còn quan tâm đến nhau. Tại phiên hòa giải ngày 08/01/2019 và tại phiên tòa sơ thẩm thì chị K đồng ý ly hôn với anh L.

Về con chung: Khi ly hôn, chị đồng ý giao hai con chung là cháu Đ và cháu T cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ngày 15/8/2018, chị K đã làm đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản khi ly hôn, nhưng ngày 22/8/2018 chị có đơn rút yêu cầu khởi kiện chia tài sản khi ly hôn nên Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành trả lại đơn cho chị K theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 24/8/2018, chị K khởi kiện yêu cầu anh L khi ly hôn phải trả tiền công lao động cho chị trong suốt thời gian 19 năm kết hôn tính từ ngày 11/7/1999 (âm lịch) cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án, mỗi tháng là 5.000.000 đồng x 12 tháng x 19 năm = 1.140.000.000 đồng. Chị K cho rằng nếu như chị làm cỏ hoặc đi làm thuê thì cũng được 200.000 đồng/ngày hoặc chị đi làm công ty cũng được 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng một tháng.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 15/2019/HNGĐ-ST ngày 13/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lý Đông L.

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận cho anh Lý Đông L được ly hôn với chị Nhịn Nhịt K.

- Về con chung: giao con chung Lý Y Đ, sinh ngày: 24/01/2001 và Lý Y T, sinh ngày: 05/01/2010 cho anh Lý Đông L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi.

Tạm thời không buộc nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị Nhịn Nhịt K.

Khi cần thiết anh L, chị K được quyền yêu cầu xin thay đổi người nuôi dưỡng và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được pháp luật bảo vệ.

- Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: các đương sự khai không có nên không xem xét.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bị đơn chị Nhịn Nhịt K.

Buộc anh Lý Đông L phải trả cho chị Nhịn Nhịt K tiền công lao động trong

thời kỳ hôn nhân với số tiền 256.088.000 (*Hai trăm năm mươi sáu triệu không trăm tám mươi tám ngàn*) đồng.

Ngoài ra, án còn tuyên về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án, về án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 14/6/2019, nguyên đơn anh Lý Đông L có đơn kháng cáo đối với bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 15/2019/HNGĐ-ST ngày 13/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu trả tiền công lao động của chị K và phần án phí dân sự sơ thẩm buộc anh L phải thanh toán.

Ngày 19/6/2019, chị Nhịn Nhịt K có đơn kháng cáo đối với bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 15/2019/HNGĐ-ST ngày 13/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết cho chị K được nhận bồi thường tiền công lao động là 5.000.000đ/1 tháng x 12 tháng x 19 năm = 1.140.000.000đ (Một tỷ một trăm bốn mươi triệu đồng) để chị có tiền mua nhà cũng như sinh sống.

Ngày 09/7/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 218/QĐKNPT-VKS-DS, nội dung: Tòa cấp sơ thẩm buộc anh L phải trả cho chị K tiền công lao động trong thời kỳ hôn nhân với số tiền là 256.088.000 đồng và tuyên xử về lãi suất chậm thi hành, về án phí có giá ngạch anh L phải nộp là không đúng. Vì lao động của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân sẽ được xem xét khi phân chia tài sản chung của vợ, chồng nên yêu cầu tính tiền công lao động của chị K trong khi tài sản chung chưa yêu cầu Tòa án giải quyết là không có căn cứ. Đề nghị Tòa cấp phúc thẩm sửa 01 phần bản án sơ thẩm về đường lối giải quyết và án phí đối với yêu cầu trả tiền công lao động.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Lý Đông L tranh luận, trình bày:

Yêu cầu về việc trả tiền công lao động của chị Nhịn Nhịt K đối với anh L là không đúng nên anh L không chấp nhận. Nếu sau này chị Nhịn Nhịt K có yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng thì anh vẫn đồng ý chia. Riêng đối với quyền sử dụng đất thì anh L không đồng ý chia vì đây không phải là tài sản chung của vợ chồng anh.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự tham gia phiên tòa đảm bảo đúng thủ tục, quyền, nghĩa vụ theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Tòa cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lý Đông L về quan hệ hôn nhân, về con chung, cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật.

-Đối với nội dung kháng cáo, kháng nghị:

Theo quy định của Điều 95 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì: Lao động của vợ, chồng trong gia đình được coi như lao động có thu nhập và đi liền với việc chia tài sản chung. Các bên đương sự đều thừa nhận trong quá trình chung sống vợ, chồng có tạo lập tài sản chung nhưng cả hai đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Việc chị K cùng anh L chung sống, lao động sản xuất là để tạo ra thu nhập lo trang trải sinh hoạt, chi phí của gia đình và tạo ra của cải tích lũy thành tài sản chung của vợ, chồng. Lao động của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân sẽ được xem xét công sức khi phân chia tài sản chung của vợ, chồng nên yêu cầu tính tiền công lao động của chị K trong khi tài sản chung chưa yêu cầu Tòa án giải quyết là không có căn cứ. Lẽ ra, Tòa cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của chị K nhưng lại áp dụng Bộ Luật lao động chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nhị K, buộc anh Lý Đông L phải trả cho chị Nhị K tiền công lao động trong thời kỳ hôn nhân với số tiền 256.088.000đ (Hai trăm năm mươi sáu triệu không trăm tám mươi tám ngàn) đồng và tuyên xử về lỗi suất chậm thi hành, về án phí có giá ngạch buộc anh L phải nộp là không đúng, trái với quy định của pháp luật về Hôn nhân và gia đình, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự nên yêu cầu kháng cáo của anh L và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai là có căn cứ, kháng cáo của chị K là không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử:

- Chấp nhận kháng cáo của anh Lý Đông L
- Không chấp nhận kháng cáo của chị Nhị K về tiền công lao động;
- Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai theo hướng sửa một phần bản án sơ thẩm số 15/2019/HNGĐ-ST ngày 13/6/2019 của Tòa án Nhân dân huyện Cẩm Mỹ về đường lối giải quyết vụ án và án phí đối với yêu cầu trả tiền công lao động theo hướng phân tích nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Lý Đông L và chị Nhị K làm trong hạn luật định, đóng tạm ứng án phí đúng quy định nên được xem xét theo

thủ tục phúc thẩm. Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đúng thẩm quyền, còn trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung kháng cáo của anh Lý Đông L, chị Nhữ Nhật K, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai xét thấy:

Anh L không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị K vì anh cho rằng hôn nhân giữa anh và chị K là hoàn toàn tự nguyện, chị K kết hôn về chung sống với anh là để làm vợ, làm dâu, làm mẹ là chủ nhà chứ anh không hề thuê mướn chị K. Chị K cho rằng trong thời gian chung sống với anh L thì chị phải tham gia phụ giúp anh L trong việc làm rẫy, cũng như thu hoạch cây trái, nông sản như tiêu, cà phê. Những công việc của chị K làm cũng được xem như lao động có thu nhập, được xem xét khi chia tài sản chung vợ chồng chứ không phải xem xét tính tiền công lao động như hợp đồng lao động. Vì quan hệ giữa anh L và chị K là quan hệ vợ chồng chứ không phải quan hệ hợp đồng lao động. Cấp sơ thẩm áp dụng quy định của Bộ luật lao động để buộc anh L phải trả tiền công lao động cho chị K là không phù hợp. Do cả anh L lẫn chị K đều không yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng nên chưa có cơ sở để xem xét công sức đóng góp của chị K trong vụ án này. Nếu chị K và anh L không thể thỏa thuận được với nhau về việc chia tài sản chung vợ chồng khi ly hôn và có yêu cầu Tòa án giải quyết thì có thể khởi kiện bằng một vụ kiện khác. Tòa án sẽ xem xét công sức đóng góp của chị K khi phân chia tài sản chung vợ chồng. Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai và kháng cáo của anh L phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Bác toàn bộ đơn kháng cáo của chị K. Sửa án sơ thẩm với nội dung bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nhữ Nhật K về việc đòi tiền công lao động.

[3] Ngoài ra, án sơ thẩm còn áp dụng quy định của Bộ luật lao động trong vụ án này là không phù hợp. Cần sửa án sơ thẩm về việc áp dụng điều luật.

[4] Về án phí:

[4.1] Về án phí dân sự phúc thẩm: do sửa án sơ thẩm nên anh L, chị K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4.2] Đối với án phí dân sự sơ thẩm: chị K và anh L đều không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu về tiền công lao động. Hoàn trả cho chị K tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Đối với những nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành.

* Đề nghị của đại diện VKS và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn về nội dung kháng cáo, kháng nghị phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 9, 10, 11, 14, Luật HNGĐ năm 2000; Điều 51, 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Điều 131 Luật HNGĐ năm 2014; Điều 279, 280 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ -UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Lý Đông L và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai

Không chấp nhận kháng cáo của chị Nhịn Nhịt K về tiền công lao động;

Sửa một phần bản án sơ thẩm:

Bác yêu cầu khởi kiện của bị đơn chị Nhịn Nhịt K về việc buộc anh Lý Đông L phải trả cho chị Nhịn Nhịt K tiền công lao động trong thời kỳ hôn nhân với số tiền 1.140.000.000đ (Một tỷ một trăm bốn mươi triệu đồng).

- Về án phí: anh Lý Đông L phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí LHST, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí anh L đã nộp thành tiền án phí (Biên lai số 004385 ngày 25/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ). Anh Lý Đông L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho anh Lý Đông L 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 004962 ngày 02/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ).

Chị Nhịn Nhịt K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho chị K số tiền 23.100.000đ (hai mươi ba triệu một trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị K đã nộp (Biên lai số 004431 ngày 24/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ) và 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm chị K đã nộp theo Biên lai số 004944 ngày 26/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ.

Những nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện Cẩm Mỹ;
- Chi cục THADS huyện C
- Ủy ban nhân dân xã X
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Lệ Trang

